

Tên:

Viết:

Lớp: S2...

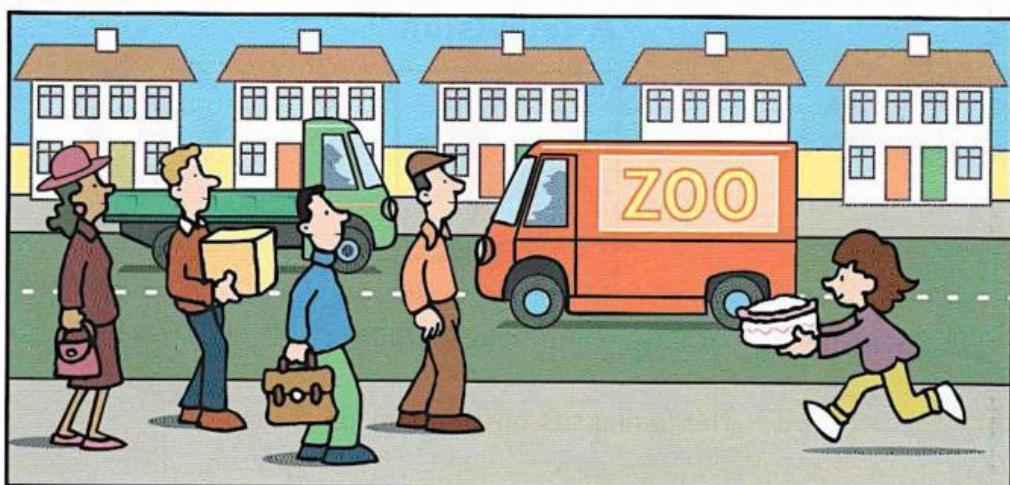
Ngày làm bài: Thứ..., ngày.../....



**AT THE PARTY - GRAMMAR & STARTERS WRITING
CAMBRIDGE WRITING PRACTICE**

Part 5
– 5 questions –

Look at the pictures and read the questions. Write one-word answers.



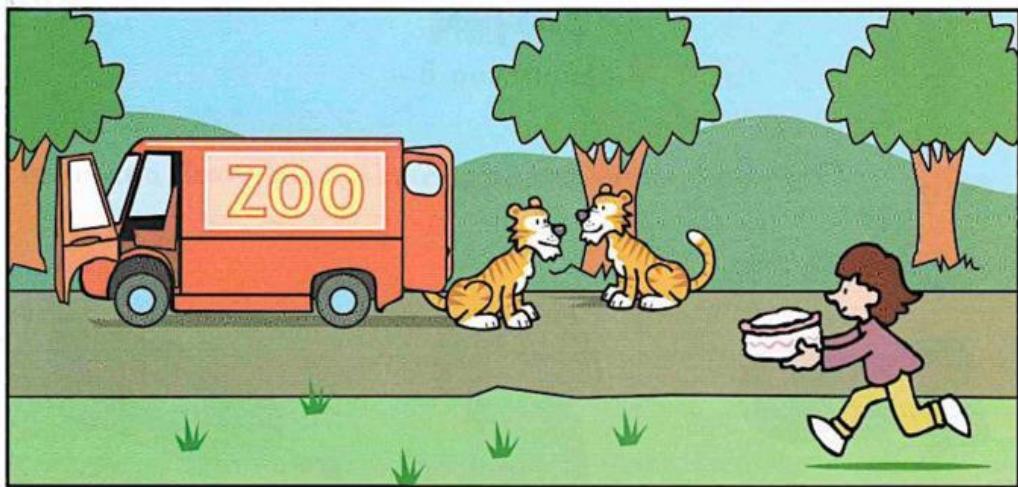
Examples

What is the woman wearing on her a hat

How many men are there? three

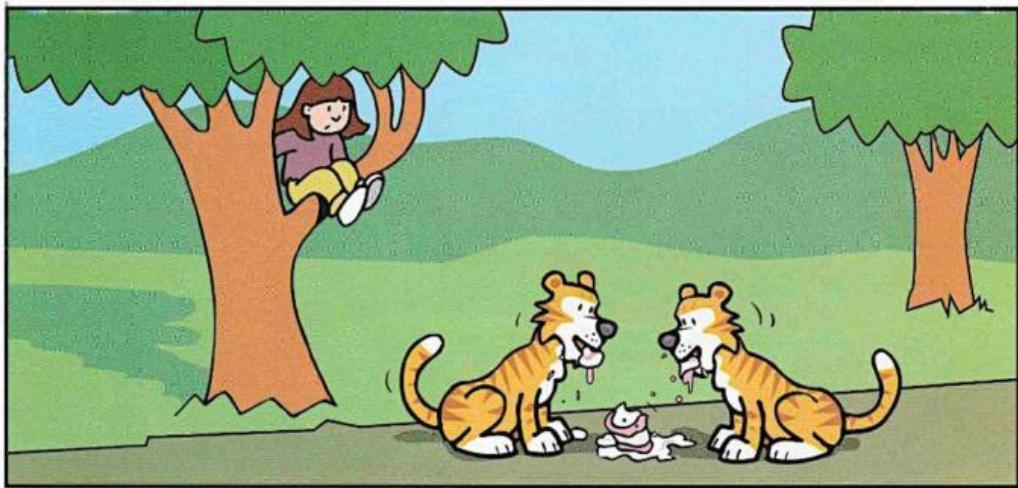
Questions

1 What colour is the girl's hair?



2 How many tigers are there?

3 What are they doing?



4 Where is the girl? in a

5 What are the tigers eating? the

Tên:

Ngữ pháp:

Lớp: S2...

Nghe:

Ngày giao bài: Thứ..., ngày..../....

Mini test:

Ngày nộp bài: Thứ..., ngày..../....



AT THE PARTY - GRAMMAR & STARTERS WRITING

A. GRAMMAR:

❖ **Past simple questions of verbs** (*Câu hỏi dạng quá khứ đơn của động từ*)

- **Cách dùng:** Được sử dụng để hỏi về một sự việc **đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ**.

Did you travel to Japan? → Yes, I/we did. → No, I/we didn't.	Did she/he/it travel to Japan? → Yes, she/he/it did. → No, she/he/it didn't.	Did he/she/it travel to Japan? → Yes, they/we did. → No, they/we didn't.
--	--	--

❖ **Past simple questions of to be** (*Câu hỏi dạng quá khứ đơn của to be*)

- **Cách dùng:** Được sử dụng để hỏi một **trạng thái** hay **sự việc đã diễn ra và kết thúc trong quá khứ**.

Were you at school yesterday? → Yes, I was./we were. → No, I wasn't./we weren't.	Was she/he/it at school yesterday? → Yes, she/he/it was. → No, she/he/it wasn't.	Were they/we at school yesterday? → Yes, they/we were. → No, they/we weren't.
--	--	---

* **Dấu hiệu nhận biết:** last night/week/month/year (*tối/tuần/tháng/năm trước*), yesterday (*hôm qua*)

in + thời gian trong quá khứ (*in 2000: năm 2000*)

thời gian trong quá khứ + **ago** (*10 minutes ago: cách đây 10 phút*)

this morning/afternoon (*sáng/chiều nay*)

B. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	sports centre (n)	trung tâm thể thao	2	café (n)	quán cà phê

*Note: n = noun: danh từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐÒNG** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

I. Match the questions with the suitable answers. (*Nối câu hỏi với câu trả lời phù hợp.*)

0. Was she at school yesterday?	A. No, they weren't.
1. Did he finish his homework?	B. No, I didn't.
2. Were they happy with the result?	C. Yes, she did.
3. Did you watch the movie last night?	D. Yes, she was.
4. Was the weather nice last weekend?	E. Yes, it was.
5. Did she enjoy the English class on Monday?	F. Yes, he did.

0. D	1.	2.	3.	4.	5.
------	----	----	----	----	----

II. Choose the correct answers. (Hãy chọn đáp án đúng.)

0. _____ you eat breakfast this morning?
 A. Were B. Was C. Did D. Didn't

1. Were _____ at home last Monday?
 A. you B. he C. she D. I

2. Were they at the party last night? - Yes, _____.
 A. they were B. they was C. they are D. they is

3. _____ he _____ football yesterday? - No, he didn't.
 A. Was/played B. Was/play C. Did/played D. Did/play

4. Was it cold last weekend? - Yes, it _____.
 A. was B. were C. did D. didn't

5. _____ you sick last week?
 A. Was B. Were C. did D. didn't

III. Write short answers to the questions below. (Viết câu trả lời ngắn cho các câu hỏi dưới đây.)

00. Q: Did Sam travel to Tokyo last month? A: Yes, <u>he did</u> .	3. Q: Was it hot yesterday? A: Yes, _____.
0. Q: Were they late for their class? A: No, <u>they weren't</u> .	4. Q: Were they at home yesterday? A: No, _____.
1. Q: Did it rain last week? A: No, _____.	5. Q: Did you bake this cake? A: No, _____.
2. Q: Did Mr. Smith travel to work this morning? A: Yes, _____.	6. Q: Was she sleepy? A: No, _____.

IV. Write the following sentences in question form. (Viết các câu sau ở dạng câu hỏi.)

0. I watched TV last night.

→ Did you watch TV last night?

1. I enjoyed the party.

→ _____?

2. She was happy.

→ _____?

3. He finished work early.

→ _____?

4. They were at the party last night.

→ _____?

*** CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE ***

Các con nghe bài ở link này: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/movers-1-new-test-1-part-2>

Part 2

– 5 questions –

Listen and write. There is one example.



Sports centre

Boy's age: ||

1 Favourite sport:

2 Lives in: Street

3 Comes to sports centre by:

4 Comes to sports centre after:

5 Often buys some: